

Số: 71 /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 18 tháng 4 năm 2018

## BÁO CÁO

### Tổng hợp các nội dung giải trình giữa hai kỳ họp của Thường trực HĐND tỉnh



TT CÔNG BÁO & TÊN HỌC Q. NGÃI	
ĐẾN	Số: 3259
	Ngày: 19/4/2018
	Chuyên:

Theo Kế hoạch số 16/KH-HĐND ngày 09/4/2018 của Thường trực HĐND tỉnh về việc tổ chức phiên giải trình giữa hai kỳ họp của Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban ngành liên quan chuẩn bị nội dung giải trình và báo cáo Thường trực HĐND tỉnh. Trên cơ sở báo cáo của các sở, ngành, UBND tỉnh tổng hợp như sau:

**I. Đối với nội dung giải trình của Sở Công Thương về kết quả thực hiện ý kiến chất vấn của đại biểu HĐND tỉnh tại phiên chất vấn của Thường trực HĐND tỉnh vào tháng 4/2017 đối với việc quy hoạch, xây dựng chợ nông thôn, miền núi**

#### 1. Công tác quy hoạch chợ

Việc quy hoạch phát triển hệ thống chợ trên địa bàn tỉnh đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 14/5/2013 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển hạ tầng thương mại nông thôn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020; Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 26/3/2014 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển thương mại tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020; Quyết định số 1034/QĐ-UBND ngày 14/6/2016 về việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển hệ thống hạ tầng thương mại nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020.

Quy hoạch đến năm 2020, trên địa bàn tỉnh có 178 chợ gồm: 04 chợ hạng 1 (trong đó có chợ Đâu mới nông sản quy hoạch là chợ hạng 1, đến nay đã hoàn thành đầu tư giai đoạn 1, được đánh giá phân hạng là chợ hạng 2); 26 chợ hạng 2; 148 chợ hạng 3; nâng cấp mở rộng 19 chợ; đầu tư xây mới 71 chợ.

\* Đánh giá kết quả đạt được:

- Trên cơ sở quy hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt, UBND các huyện, thành phố đã tích cực chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị trực thuộc tăng cường công tác tuyên truyền, triển khai thực hiện và đạt được một số kết quả sau:

Hiện tại, trên địa bàn tỉnh có 146 chợ, đạt 82% so với quy hoạch (178 chợ) gồm: 03 chợ hạng 1, đạt 75% so với quy hoạch (04 chợ), khi chợ Đâu

mỗi nông sản hoàn thiện, chỉ tiêu chợ hạng 1 sẽ đạt 100%; 09 chợ hạng 2 (trong đó có chợ *Đầu mối nông sản*), đạt 35% so với quy hoạch (26 chợ); 134 chợ hạng 3, đạt 90,5% so với quy hoạch (148 chợ). Trong đó chợ nông thôn: 127 chợ; chợ thành thị: 19 chợ. Đã nâng cấp mở rộng 10/23 chợ, đạt 44% so với quy hoạch; đầu tư xây mới 30/117 chợ, đạt 26,8% so với quy hoạch. Hiện tại, có 06 chợ đã được UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, đang trong quá trình triển khai thực hiện.

- Công tác xã hội hóa đầu tư, khai thác chợ: Có 15 chợ đã được doanh nghiệp, HTX đầu tư, quản lý; 6 chợ được UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư và khoảng 13 chợ được các doanh nghiệp liên hệ lập thủ tục đầu tư.

- Thời gian qua, được sự quan tâm của các cấp, các ngành, công tác phát triển và quản lý chợ trên địa bàn tỉnh thực hiện theo đúng quy hoạch phát triển hạ tầng thương mại nông thôn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020; phần lớn các chợ hoạt động hiệu quả, góp phần lưu thông hàng hóa, đáp ứng nhu cầu mua bán phục vụ sản xuất và tiêu dùng của người dân, nhất là khu vực nông thôn.

- Hầu hết các chợ đã có Ban, Tổ quản lý chợ hoặc doanh nghiệp, HTX quản lý chợ, góp phần duy trì trật tự trong hoạt động mua bán, đảm bảo vệ sinh môi trường, an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy; các chủ trương, chính sách của các cấp, các ngành đã được các tổ chức quản lý chợ tuyên truyền, phổ biến đến các hộ tiểu thương kinh doanh tại chợ.

- Cán bộ, nhân viên làm công tác quản lý chợ tại các Phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện, thành phố; các doanh nghiệp, hợp tác xã quản lý chợ; Ban, Tổ quản lý chợ đều được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý chợ, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động chợ.

## **2. Kết quả giải quyết một số chợ kém hiệu quả**

### **a) Về công tác triển khai thực hiện:**

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 2757/UBND-TH ngày 11/5/2017 về việc triển khai thực hiện Thông báo số 20/TB-HĐND ngày 08/5/2017 của Thường trực HĐND tỉnh, Sở Công Thương đã buổi làm việc với UBND huyện Đức Phổ để cùng phối hợp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong công tác quản lý, phát triển chợ trên địa bàn huyện Đức Phổ; hướng dẫn hướng xử lý đối với việc đầu tư xây dựng chợ tại xã Phổ Thạnh và hướng xử lý đối với chợ Phổ Nhơn, xã Phổ Nhơn (*chợ hoạt động kém hiệu quả*); yêu cầu UBND các huyện, thành phố tăng cường công tác quản lý chợ trên địa bàn tỉnh, xử lý các điểm kinh doanh tự phát không đúng nơi quy định,...

### **b) Kết quả công tác quản lý chợ:**

Sau khi có sự chỉ đạo của UBND tỉnh, đến nay các địa phương đã triển khai thực hiện và đạt được một số kết quả trong việc giải quyết các tồn tại trong việc đầu tư xây dựng chợ nông thôn, miền núi như sau:

- UBND các huyện, thành phố đã tổ chức rà soát, đánh giá lại hệ thống chợ trên địa bàn, vận động tiểu thương bên ngoài vào chợ để kinh doanh buôn bán, loại bỏ được một số điểm buôn bán tự phát, góp phần cải thiện vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy, an ninh trật tự, an toàn giao thông, tăng tính hiệu quả trong quản lý an toàn chợ.

- Tổ chức đối thoại, lấy ý kiến của nhân dân, đặc biệt là các hộ kinh doanh tại chợ trước khi tham mưu UBND tỉnh phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư đối với những chợ đầu tư bằng nguồn vốn xã hội hóa.

- UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1355/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 về việc ban hành các tập thiết kế mẫu công trình chợ nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- UBND tỉnh ban hành Quyết định số 11/2018/QĐ-UBND ngày 04/4/2018 quy định về Quy trình chuyển đổi mô hình đầu tư, kinh doanh, khai thác và quản lý chợ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, tạo thuận lợi trong việc xã hội hóa đầu tư, quản lý chợ.

c) Kết quả giải quyết một số chợ đầu tư không hiệu quả:

- *Chợ Ba Động (chợ Liên xã khu Đông), xã Ba Động, huyện Ba Tơ:* UBND huyện Ba Tơ đã tổ chức bố trí, sắp xếp lại một số vị trí trong chợ như: khu bán hàng ăn uống, điểm gửi xe, vị trí trồng cây xanh trong khuôn viên chợ, vệ sinh môi trường. Ngoài ra, UBND xã Ba Động phối hợp cùng với các hội, đoàn thể xã tổ chức vận động, tuyên truyền các hộ kinh doanh buôn bán bên ngoài phạm vi chợ cũng như các hộ tiểu thương đang kinh doanh tại chợ cũ trước đây vào chợ để kinh doanh buôn bán. Đến nay, phần lớn hộ tiểu thương buôn bán bên ngoài đã vào chợ để kinh doanh, buôn bán, nhà lồng chính của chợ cũng được bố trí sắp xếp lấp đầy.

- *Chợ Ba Tơ, thị trấn Ba Tơ, huyện Ba Tơ:* UBND huyện Ba Tơ đã chỉ đạo Ban quản lý chợ vận động các hộ tiểu thương bên ngoài vào bên trong nhà lồng chợ để kinh doanh, buôn bán. Đến nay số lô, sạp bên trong nhà lồng được các tiểu thương thuê tăng lên, đạt 91,3%.

- *Chợ Ba Vì, xã Ba Vì, huyện Ba Tơ:* Theo quy hoạch đô thị mới Ba Vì, Chợ Ba Vì được quy hoạch đầu tư xây mới, với diện tích 6.300m<sup>2</sup>. Tuy nhiên, để tránh trường hợp đầu tư xây dựng chợ xong nhưng không tổ chức họp chợ được, Sở Công Thương đã đề nghị UBND huyện Ba Tơ, trước khi đầu tư xây dựng chợ phải tổ chức lấy ý kiến của các hộ tiểu thương và nhân dân. Nếu các hộ tiểu thương thống nhất chuyển vào chợ kinh doanh buôn bán thì đầu tư chợ với quy mô phù hợp với nhu cầu tiêu dùng, buôn bán của người dân tại địa

phương; nếu các hộ tiểu thương không thống nhất chuyển vào chợ hoặc số lượng hộ tiểu thương thống nhất buôn bán kinh doanh tại chợ quá ít thì chưa đầu tư xây dựng chợ trong giai đoạn đến năm 2020.

- *Chợ Ba Liên, xã Ba Liên, huyện Ba Tơ*: Chợ Ba Liên hiện không có hộ tiểu thương kinh doanh, buôn bán và đã xuống cấp nghiêm trọng. Hiện tại, địa phương đang làm thủ tục trình đề xuất loại khỏi quy hoạch.

- *Chợ trung tâm xã Bình Phước, huyện Bình Sơn*: UBND xã Bình Phước đã nhiều lần tổ chức vận động các hộ tiểu thương buôn bán tại chợ tự phát ở ngã tư xã Bình Phước (gần Chợ trung tâm Bình Phước) nhưng vẫn chưa đạt kết quả. Nguyên nhân do Chợ trung tâm Bình Phước tập trung vào buổi sáng, chợ tự phát đông vào buổi chiều, do thói quen buôn bán và tiêu dùng của người dân nên chưa có nhiều chuyển biến. Để giải quyết tình trạng chợ tự phát, UBND xã Bình Phước phối hợp cùng các lực lượng chức năng của huyện, xã nhiều lần tổ chức giải tỏa nhưng sau đó các hộ dân lại tái hợp chợ nên việc giải quyết dứt điểm chợ tự phát tại đây là rất khó khăn. Trong thời gian đến, địa phương tiếp tục vận động các hộ tiểu thương chuyển vào chợ trung tâm kinh doanh buôn bán, đảm bảo quy định.

- *Chợ Nhơn Hòa, xã Bình Tân và Chợ Trung tâm xã Bình Thanh Đông, huyện Bình Sơn*: Hiện tại, 02 chợ này vẫn chưa phát huy được hết hiệu quả hoạt động nhưng vẫn đảm bảo duy trì việc họp chợ theo số lượng tương đối ổn định. UBND huyện Bình Sơn đề xuất giữ lại 02 chợ này, vì nhu cầu mua bán tại các chợ này vẫn rất cần thiết.

- *Chợ Phố Nhơn, xã Phố Nhơn, huyện Đức Phổ*: Hiện tại địa phương vẫn muốn giữ lại Chợ Phố Nhơn; chưa có phương án sử dụng công trình chợ vào mục đích khác.

Tóm lại, trong 08 chợ hoạt động kém hiệu quả (HĐND đã đề cập), đến nay đã xử lý hiệu quả được 5 chợ; 3 chợ còn lại, trong thời gian đến UBND tỉnh chỉ đạo Sở Công Thương tiếp tục phối hợp cùng chính quyền địa phương địa phương xử lý triệt để.

### **3. Trách nhiệm trong việc quản lý chợ**

Căn cứ Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ; Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23/12/2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2003/NĐ-CP của Chính phủ, quy định: UBND cấp huyện, cấp xã được phân cấp quản lý đối với chợ hạng 2 và chợ hạng 3. Theo đó, việc đầu tư và quản lý đối với một số chợ nông thôn là trách nhiệm của chính quyền địa phương.

Việc đầu tư các chợ hạng 2, hạng 3 được chính quyền địa phương chủ động bố trí ngân sách, triển khai thực hiện. Đồng thời, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Công Thương tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực chuyên

ngành, tích cực phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc đầu tư phát triển chợ tại các địa phương, tránh tình trạng đầu tư, quản lý chợ kém hiệu quả.

Hiện tại, thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Công Thương đang tham mưu UBND tỉnh ban hành Quy định về phân cấp quản lý chợ trên địa bàn tỉnh. Sau khi quy định được ban hành, trách nhiệm của các sở, ban ngành và chính quyền địa phương trong việc quản lý chợ sẽ được rõ ràng, cụ thể hơn.

#### **4. Những tồn tại, hạn chế**

- Nguồn vốn ngân sách bố trí đầu tư, nâng cấp hệ thống chợ nông thôn còn hạn chế; các doanh nghiệp, HTX ngại đầu tư phát triển chợ tại các địa bàn nông thôn vì hiệu quả thấp, thời gian thu hồi vốn chậm.

- Các địa phương gặp nhiều khó khăn trong việc vận động các hộ tiểu thương buôn bán tại các chợ tạm vào chợ truyền thống để kinh doanh buôn bán. Nguyên nhân chủ yếu là khi đầu tư xây dựng chợ, chính quyền địa phương không thực hiện nghiêm túc, đầy đủ việc điều tra, khảo sát, lấy ý kiến của người dân, hộ tiểu thương và các sở, ngành chức năng; dẫn đến đầu tư xây dựng chợ ở vị trí không thuận tiện, thiết kế chợ không phù hợp với thói quen mua bán, tiêu dùng của các hộ tiểu thương, người dân.

- Đối với những chợ hoạt động kém hiệu quả, các địa phương gặp khó trong việc sử dụng công trình chợ vào các mục đích khác, vì phần lớn công trình của các chợ này điều đã xuống cấp, công năng sử dụng của công trình chợ không phù hợp với việc sử dụng vào các mục đích khác.

#### **5. Một số giải pháp chủ yếu trong thời gian đến**

- Đối với các chợ ở địa bàn nông thôn, gặp khó khăn trong việc xã hội hóa, UBND các huyện, thành phố cần quan tâm bố trí vốn để đầu tư xây mới hoặc cải tạo nâng cấp đối với những chợ thực sự cần thiết, phù hợp với nhu cầu thực tế để phục vụ ngày càng tốt nhu cầu mua sắm của bà con nhân dân.

- Việc đầu tư xây dựng chợ tại nông thôn, miền núi phải thực hiện việc khảo sát, lấy ý kiến của các tiểu thương, người dân về địa điểm đầu tư, đảm bảo phù hợp với thói quen tiêu dùng, buôn bán của người dân; thiết kế chợ phải phù hợp với nhu cầu, hạn chế việc đầu tư xây dựng chợ có quy mô lớn hơn nhu cầu thực tế của địa phương, gây lãng phí, kém hiệu quả.

- UBND các huyện, thành phố chỉ đạo quyết liệt đối với UBND các xã giải quyết triệt để việc kinh doanh buôn bán không đúng nơi quy định.

- Đối với những chợ hoạt động không hiệu quả, cần chuyển đổi công năng sử dụng vào các mục đích khác, chính quyền địa phương cần quan tâm bố trí vốn để chuyển đổi phù hợp với mục đích, nhu cầu sử dụng.

**II. Đối với nội dung giải trình của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy hoạch, xây dựng, quản lý sử dụng, khai thác công trình cấp nước nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh và kết quả thực hiện Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 12/01/2016 của UBND tỉnh về phê duyệt phương án giao đơn vị quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh.**

**1. Việc quy hoạch, xây dựng và quản lý sử dụng, khai thác công trình cấp nước nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh**

a) Quy hoạch được duyệt: UBND tỉnh đã phê duyệt quy hoạch cấp nước nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh cụ thể như sau:

- Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 09/9/2010 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Dự án quy hoạch tổng thể cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2015.

- Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch cấp nước sạch nông thôn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

b) Đầu tư xây dựng: Số lượng công trình cấp nước nông thôn tập trung đã được xây dựng tính đến cuối năm 2017 là 495 công trình, với tổng mức đầu tư là 409.130,5 triệu đồng (Trong đó, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn làm chủ đầu tư 53 công trình. Sau khi xây dựng hoàn thành đã bàn giao cho UBND xã quản lý, sử dụng 45 công trình; Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn quản lý 08 công trình).

c) Chất lượng và hiệu quả quản lý khai thác: Các dự án xây dựng hoàn thành đã giải quyết được cơ bản tình trạng một số vùng nông thôn thiếu nước sinh hoạt, cung cấp đảm bảo đủ nhu cầu về nước sinh hoạt cho nhân dân. Từng bước cải thiện đời sống, sức khỏe cho nhân dân tại các vùng dự án, đặc biệt là giải phóng được một phần sức lao động cho phụ nữ và trẻ em tham gia công việc gia đình; đồng thời góp phần phát triển kết cấu hạ tầng ở nông thôn theo tiêu chí nông thôn mới.

Các công trình cấp nước sinh hoạt được xây dựng trong giai đoạn từ năm 2011 đến nay được áp dụng các tiêu chuẩn xây dựng, đảm bảo chất lượng công trình, công nghệ áp dụng phong phú và phù hợp với thực tế từng địa phương. Các dự án trước khi chuẩn bị đầu tư được thăm dò ý kiến của nhân dân, cán bộ thôn, xã. Dự án được đầu tư có quy mô lớn hơn so với nhiều năm trước đây, đã bám sát với mục tiêu và hướng tiếp cận phù hợp Chiến lược quốc gia cung cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Tuy nhiên, công tác quản lý ở một số địa phương còn chưa tốt, không thu được tiền nước, không có tiền trả chi phí quản lý, sửa chữa dẫn đến công

trình hư hỏng, dừng hoạt động (hầu hết tập trung ở các xã miền núi). Cụ thể, trong tổng số 495 công trình có: 34 công trình hoạt động bền vững, 214 công trình hoạt động trung bình, 107 công trình hoạt động kém hiệu quả, 140 công trình không hoạt động. Trong đó, ở các xã miền núi có 451 công trình: 0 công trình hoạt động bền vững, 214 công trình hoạt động trung bình, 105 công trình hoạt động kém hiệu quả, 131 công trình không hoạt động (*Quyết định số 268/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt số liệu Bộ chỉ số theo dõi - đánh giá Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Quảng Ngãi năm 2017*).

d) Vai trò của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Trung tâm Nước sạch và VSMTNT trong việc thực hiện chức năng giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước: Để có cơ sở thực hiện cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh, trong thời gian qua, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tham mưu UBND tỉnh ban hành và trình HĐND tỉnh ban hành một số văn bản, cụ thể như sau:

- Nghị quyết số 05/2014/QN-HĐND ngày 29/4/2014 của HĐND tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ 11 về việc quy định nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các công trình cấp nước ở nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2012-2015.

- Nghị quyết số 15/2016/QN-HĐND ngày 15/7/2016 của HĐND tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ 2 về việc phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển, cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng, thanh lý công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND ngày 30/5/2014 của UBND tỉnh về việc quy định nội dung, mức hỗ trợ ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các công trình cấp nước tập trung ở nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2014-2015.

- Quyết định số 14/2015/QĐ-UBND ngày 02/4/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành quy chế đầu tư - xây dựng và quản lý, khai thác, sử dụng, duy tu bảo dưỡng các công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 12/01/2016 của UBND tỉnh phê duyệt Phương án giao đơn vị quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh.

- Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 25/8/2016 của UBND tỉnh về việc phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển, cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng, thanh lý công trình nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Ngành Nông nghiệp đã tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện duy tu, sửa chữa, nâng cấp cũng như xây dựng mới công trình cấp nước nông thôn trên địa bàn tỉnh; thực hiện Quy chế đầu tư - xây dựng và quản lý, khai thác, sử dụng, duy tu bảo dưỡng theo Quyết định số 14/2015/QĐ-UBND ngày 02/4/2015 của UBND tỉnh. Hằng năm triển khai các chương trình truyền thông; mở các lớp tập huấn công tác quản lý, vận hành cho cán bộ, công nhân các trạm cấp nước, góp phần nâng cao năng lực quản lý hiệu quả, bền vững các công trình cấp nước, cũng như nhận thức của nhân dân về lợi ích của chương trình nước sạch và VSMT nông thôn.

đ) Các chỉ tiêu đạt được về nước sạch đến cuối năm 2017: Đến cuối năm 2017, tỷ lệ dân nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 89,2%, tương ứng với 1.036.624 người.

## **2. Kết quả thực hiện Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 12/01/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Phương án giao đơn vị quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh**

a) Thực trạng công tác quản và lý khai thác các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi có 04 loại hình quản lý, sử dụng và khai thác các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung, cụ thể:

*- Giao cho đơn vị sự nghiệp công lập quản lý, sử dụng và khai thác:*

+ Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang quản lý, sử dụng và khai thác 16 công trình (Có 08 công trình được UBND tỉnh điều chuyển cho Trung tâm năm 2017) đảm bảo hiệu quả; duy trì việc cung cấp nước thường xuyên cho người dân.

+ Đội Quản lý đô thị thuộc cấp huyện đang quản lý 02 công trình và các công trình công cộng (Tổ công ích) đang quản lý 01 công trình thuộc cấp xã, hiệu quả quản lý, sử dụng và khai thác không cao, vì cán bộ trực tiếp quản lý kiêm nhiệm, hàng năm không được đào tạo, tập huấn, chưa xây dựng được phương án giá nước và cân đối thu chi.

+ Trường học đang quản lý 03 công trình; Trạm y tế đang quản lý 02 công trình. Các đơn vị này chỉ cung cấp nước cho đơn vị mình, không cấp nước cho cộng đồng, nên hiệu quả công trình không cao.

*- Giao cho Doanh nghiệp, Hợp tác xã quản lý, sử dụng và khai thác:*  
Đến thời điểm này, chưa có doanh nghiệp nào nhận quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp Nước sạch nông thôn. Riêng đối với Hợp tác xã Nông nghiệp đang quản lý 04 công trình; Hợp tác xã dịch vụ Điện-Nước đang quản lý 03 công trình; Hợp tác xã Chuyên canh Mía và Dịch vụ nông nghiệp đang quản lý 02 công trình. Loại hình quản lý này đang bộc lộ điểm yếu như bộ



máy quản lý công kênh, không đủ năng lực để tự quản lý, sử dụng và khai thác; công nhân vận hành không được tập huấn nâng cao tay nghề.

- *Giao Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện quản lý, sử dụng và khai thác 01 công trình nhưng không hiệu quả và bền vững.*

- *Giao UBND các xã quản lý, sử dụng và khai thác thông qua việc thành lập Ban (Tổ), hàng tháng cộng đồng có trách nhiệm đóng tiền để trả công cho Ban (Tổ) và sửa chữa hư hỏng nhỏ (giá tiền mỗi hộ phải đóng được công đồng thống nhất quy định, hiện tại là 10.000đồng/hộ), loại hình này đang được áp dụng tại các xã Nghĩa Sơn, huyện Tư Nghĩa; xã Sơn Linh, xã Sơn Nham, xã Sơn Cao, huyện Sơn Hà có hiệu quả.*

Còn lại ở các địa phương khác giao cho Trưởng thôn tự quản lý. Loại hình này không hiệu quả và bền vững do người quản lý không được trả lương, khi công trình hư hỏng không có tiền để sửa chữa.

b) Kết quả thực hiện Quyết định 23/QĐ-UBND ngày 12/01/2016

- Công trình bàn giao, thanh lý:

TT	Huyện, thành phố	Công trình			
		Tổng	Bàn giao	Chưa bàn giao	Thanh lý
1	Trà Bồng	77	77	0	0
2	Tư Nghĩa	13	13	0	0
3	TP Quảng Ngãi	5	4	1	0
4	Sơn Tịnh	7	0	7	0
5	Sơn Tây	90	82	8	0
6	Sơn Hà	64	59	0	5
7	Minh Long	35	10	22	3
8	Đức Phổ	16	16	0	0
9	Bình Sơn	15	14	0	1
10	Ba Tơ	62	60	0	2
11	Mộ Đức	2	2	0	0
12	Nghĩa Hành	13	13	0	0
13	Trung tâm Nước SH và VSMT NT	16	16	0	0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>413</b>	<b>357</b>	<b>45</b>	<b>11</b>

- Công trình nâng cấp, xây mới: Từ năm 2013 đến 2017

TT	Huyện, thành	Nâng cấp	Xây mới
----	--------------	----------	---------

	phố	Số CT	Giá trị (triệu đồng)	Số CT	Giá trị (triệu đồng)
1	Trà Bồng	19	3.406,32		
2	Sơn Hà	32	4.866,00		
3	Minh Long	8	600,00		
4	Ba Tơ	33	9.931,00	4	7.782,00
5	Sơn Tây	26	7.571,44	1	10.000,00
6	Nghĩa Hành	3	420,00		
7	Tây trà	19	8.668,00		
8	Trung tâm Nước SH và VSMT NT	9	25.800,00	3	14.623,80
	<b>Tổng cộng</b>	<b>150</b>	<b>62.762,76</b>	<b>6</b>	<b>22.405,80</b>

- Công trình điều chuyển: Năm 2017, UBND tỉnh đã Quyết định điều chuyển 08 dự án do UBND huyện, xã quản lý không hiệu quả cho Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn sửa chữa, nâng cấp và quản lý, khai thác.

c) Một số giải pháp trong thời gian tới

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thành phố, các đơn vị liên quan nâng cao hiệu quả công tác quản lý, vận hành các công trình nước sạch. Nghiên cứu có chính sách hỗ trợ tiếp nhận, quản lý khai thác và cải tạo, sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn và nhân rộng các mô hình tham gia có hiệu quả,

UBND các huyện, thành phố tiếp tục thực hiện việc bàn giao, thanh lý công trình và lập kế hoạch báo cáo công trình theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 137/UBND-NNTN ngày 10/01/2017. Hằng năm thực hiện cập nhật dữ liệu vào Phần mềm những công trình đã bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa được cập nhật; đồng thời, gửi báo cáo số liệu bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và PTNT để xác nhận, gửi Sở Tài chính để kiểm tra dữ liệu và duyệt dữ liệu công trình vào phần mềm.

Nghiên cứu, bố trí vốn ngân sách địa phương cho Chương trình Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn và chỉ đạo UBND các huyện, thành phố có kế hoạch cân đối khắc phục sửa chữa từ nguồn ngân sách của huyện, thành phố trong giai đoạn từ 2016 - 2020.

### III. Đối với nội dung giải trình của Cục Thi hành án dân sự tỉnh về tổ chức thi hành án dân sự

#### 1. Về nguyên nhân kết quả thi hành án trên địa bàn tỉnh 6 tháng đầu năm 2018 đạt thấp

Các cơ quan thi hành án đã áp dụng các biện pháp theo đúng trình tự thủ tục quy định để tổ chức thi hành, nhưng tỷ lệ giải quyết án trong 6 tháng qua đạt chưa cao xuất phát từ những nguyên nhân chủ yếu sau:

a) Một số vụ việc Cục Thi hành án dân sự tỉnh đã đề nghị các cơ quan Trung ương và tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh - Trưởng Ban chỉ đạo Thi hành án dân sự có văn bản đề nghị Tòa án nhân dân tối cao, Viện KSNDTC sớm giải quyết và trả lời cho đương sự, nhưng chưa được trả lời nên cơ quan Thi hành án chưa thể tổ chức thi hành dứt điểm vụ việc.

b) Số việc và tiền có điều kiện phải thi hành lớn, số vụ việc cơ quan Thi hành án đã áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án 165 việc (trong đó có 37 việc cưỡng chế trong 6 tháng năm 2018 và 128 việc đã cưỡng chế năm 2017 đấu giá nhưng chưa bán xong chuyển sang) tương ứng với tổng số tiền hơn 297, 405 tỷ đồng, nhưng chỉ xử lý xong 30 việc = hơn 14,6 tỷ đồng, còn đang tiếp tục đấu giá 64 việc = hơn 254, 832 tỷ đồng,...

c) Trong tổng số việc còn đang thi hành thì số việc thi hành án liên quan đến ngân hàng là 203 việc = hơn 416,720 tỷ đồng (*chiếm 3,6% về việc và 63,7% về tiền trên số có điều kiện*), chỉ giải quyết được 26 việc = hơn 39,059 tỷ đồng; còn phải thi hành 177 việc đang xử lý.

Nhiều trường hợp khi thẩm định cho vay, Ngân hàng định giá tài sản quá cao đến giai đoạn thi hành án thì giá trị còn lại rất thấp, khi đưa ra đấu giá không có người mua phải hạ giá nhiều lần, đã ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết và kết quả thi hành án của các cơ quan THADS trong tỉnh (*Như vụ Công ty TNHH TM Hiệp Long (Bình Sơn) phải trả nợ vay gốc là lãi cho Ngân hàng phát triển Việt Nam - ủy quyền cho Chi nhánh Quảng Ngãi hơn 186,388 tỷ đồng, sau khi kê biên, thẩm định giá của các tài sản thế chấp chỉ còn hơn 61,427 tỷ đồng, từ năm 2015 đã hạ giá lần thứ 17 nhưng chỉ bán được một số tài sản thu 23, 414 tỷ đồng, tài sản còn lại có giá trị hơn 1,855 tỷ đồng chưa bán được. Trong số tiền bán tài sản thu được sau khi trừ chi phí và chuyển sang thi hành thì số tiền có điều kiện còn đang thi hành của vụ này là rất lớn, khoản 170 tỷ đồng, chiếm khoảng 34% của số tiền có điều kiện thi hành của toàn tỉnh. Vụ Công ty CP Bao bì Việt Phú (thành phố Quảng Ngãi) phải thi hành cho 02 Ngân hàng với tổng số tiền hơn 23,465 tỷ đồng, đã hạ giá lần thứ 8 nhưng chưa bán được.*)

d) Ngoài ra, nhiều vụ việc có điều kiện thi hành nhưng không thể tổ chức thi hành được như: Vụ Công ty CP Huyền Trang; vụ Nguyễn Anh Hậu (huyện Mộ Đức); vụ Công ty TNHH Kỹ thuật cơ điện lạnh thương mại Như Dũng,...

Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư 08/2015/TT-BTP ngày 26/6/2015 của Bộ Tư pháp thì nhiều vụ việc cơ quan Thi hành án không thể tổ chức thi hành án được như: Hoãn, tạm đình chỉ, lý do khác (*gồm loại việc chưa thống nhất ý kiến, Tòa án tuyên không rõ, khó thi hành, đã kê biên đang đấu giá*

*nhưng chưa bán được...)* được thống kê là việc có điều kiện thi hành, nên tỷ lệ số việc có điều kiện thi hành trên tổng số phải thi hành cao (chiếm 73% về việc và 72% về tiền) đã ảnh hưởng lớn đến tỷ lệ giải quyết án trên số có điều kiện giải quyết của các cơ quan thi hành án.

Mặt khác, nhiều việc chưa xử lý được tài sản của người phải thi hành án để thi hành nghĩa vụ theo bản án do tài sản đã chuyển nhượng, Chấp hành viên đã hướng dẫn đương sự khởi kiện nhưng đương sự không thực hiện nên Chấp hành viên đã yêu cầu Tòa án có thẩm quyền hủy giao dịch đó, hiện Tòa án đang thụ lý giải quyết, nên vụ việc bị kéo dài (như vụ bà Nguyễn Thị Công phải trả nợ cho 205 người).

## **2. Những khó khăn, vướng mắc trong việc cưỡng chế, kê biên tài sản thi hành án, giao tài sản đấu giá thi hành án**

Ngoài những trường hợp tài sản không thể kê biên để đảm bảo thi hành án như nêu trên, thì trong quá trình tổ chức thi hành án, có nhiều vụ tài sản thế chấp không đúng với thực tế, tài sản của hộ gia đình nhưng các thành viên của hộ không ký hợp đồng thế chấp hoặc bên thế chấp, bảo lãnh chỉ thế chấp QSDĐ nhưng nhà ở trên đất không thế chấp nên khi cơ quan THADS kê biên thường có khiếu nại, khởi kiện tranh chấp tài sản hoặc có trường hợp Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cấp có thẩm quyền kháng nghị hủy phần xử lý tài sản thế chấp nên phải chờ kết quả giám đốc thẩm hoặc tái thẩm (*như vụ Công ty TNHH chế biến lâm sản xuất khẩu Hồng Phước phải trả cho Ngân hàng Liên doanh Việt Thái – Đà Nẵng 3 tỷ 850 triệu 135 nghìn đồng; vụ bà Trần Thị Sáu phải trả cho Ngân hàng Quốc tế Quảng Ngãi 420 triệu 630 nghìn đồng; vụ ông Nguyễn Hồng Quân phải trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển - Quảng Ngãi 613 triệu 662 nghìn đồng*).

Liên quan đến việc áp dụng Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng (*có hiệu lực từ ngày 15/8/2017*), các cơ quan Thi hành án dân sự trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi gặp một số khó khăn, vướng mắc cụ thể là:

+ *Thứ nhất*: Từ khi Nghị quyết 42 có hiệu lực, trong trường hợp cơ quan THADS đang tổ chức thi hành một nghĩa vụ khác (không phải thi hành án cho Ngân hàng) qua xác minh xác định tài sản của người phải thi hành án đang thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ vay và nghĩa vụ vay này là nợ xấu, Cơ quan Thi hành án chỉ được kê biên tài sản theo quy định tại Điều 90 Luật THADS (Kê biên, xử lý tài sản đang cầm cố, thế chấp) khi ***“thi hành bản án, quyết định về cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe và trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của Ngân hàng”***. Do đó, khi vụ việc không thuộc trường hợp ***“thi hành bản án, quyết định về cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe”*** và Ngân hàng không đồng ý thì cơ quan thi hành án không thể kê biên để thi hành án.

- Hoặc, nhiều vụ việc cơ quan THADS thụ lý theo đơn yêu cầu THA của Ngân hàng trước ngày 15/8/2017 và xác minh xác định có tài sản đảm bảo cho khoản nợ xấu, nhưng đối với loại việc này chưa được hướng dẫn cụ thể cơ quan Thi hành án phải tiếp tục áp dụng Luật THADS để tổ chức thi hành án (xử lý tài sản để thi hành án) hay vụ việc phải thực hiện theo Nghị quyết 42 chờ Ngân hàng nợ xấu, dẫn đến vụ việc thi hành án bị kéo dài do người phải thi hành án không còn tài sản nào khác ngoài tài sản đã thế chấp, cơ quan Thi hành án phải chờ kết quả xử lý của Ngân hàng.

+ *Thứ hai:* Đối với trường hợp Ngân hàng đồng ý việc cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp theo Điều 90 Luật THADS (*kể cả trường hợp Ngân hàng là bên được thi hành án và trường hợp Ngân hàng chỉ là bên nhận thế chấp tài sản của người phải thi hành án nhưng không phải là người được thi hành án*) thì tiền bán tài sản đảm bảo không được ưu tiên thanh toán các khoản như: án phí theo Điều 47 Luật THADS, trích tiền thuê chỗ ở cho người có tài sản duy nhất bị xử lý theo Điều 115 Luật THADS, thanh toán các khoản về nghĩa vụ tài chính khác của người có tài sản bị xử lý đối với nhà nước như: tiền thuế thu nhập khi bán tài sản, khoản nợ thuế, bảo hiểm xã hội của doanh nghiệp phải thi hành án mà phải ưu tiên thanh toán cho nghĩa vụ đảm bảo trước (*sau khi trừ chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản*).

Vì vậy, khi giải quyết các vụ việc loại này thường phát sinh khiếu nại của người phải thi hành án, người có tài sản bị xử lý, nghĩa vụ phải thi hành theo bản án chưa dứt điểm nên ảnh hưởng đến hiệu quả công tác thi hành án dân sự và khó khăn trong việc giao tài sản cho người trúng đấu giá.

### **3. Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thi hành án dân sự trong thời gian tới**

a) Tiếp tục quán triệt, thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 06/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác THADS; Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 19/4/2017 của UBND tỉnh về việc tăng cường công tác THADS trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Đồng thời, thực hiện chỉ đạo của Tổng cục Thi hành án dân sự tại Công văn số 648/TCTHADS-VP ngày 28/02/2018 về việc tập trung triển khai thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ THADS năm 2018. Tham mưu kịp thời cho Ban chỉ đạo Thi hành án dân sự chỉ đạo công tác phối hợp trong thi hành án dân sự, vận dụng có hiệu quả các quy chế phối hợp liên ngành để bàn biện pháp giải quyết các vụ việc thi hành án có khó khăn, vướng mắc.

b) Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc tiến độ thực hiện nhiệm vụ; kịp thời kiến nghị cấp thẩm quyền tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thi hành án.

c) Bám sát nội dung Kế hoạch công tác năm 2018; xây dựng và bổ sung Kế hoạch tổ chức thi hành án từng vụ việc cụ thể để chủ động giải quyết, thường xuyên theo dõi tiến độ, kịp thời hướng dẫn tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc

để chỉ đạo giải quyết dứt điểm đối với những vụ việc có điều kiện thi hành, nhất là án trọng điểm, án liên quan đến Ngân hàng, không để tồn đọng; kịp thời tham mưu, đề xuất cấp thẩm quyền có biện pháp chỉ đạo giải quyết dứt điểm những vụ việc phức tạp.

d) Đề xuất Tổng cục THADS có văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ đạo các Ngân hàng thương mại thực hiện đúng quy định pháp luật, phù hợp với thực tế trong việc thẩm định tài sản trước khi cho vay; có cơ chế xem xét miễn, giảm một phần lãi suất thi hành án cho người phải thi hành án, tích cực phối hợp với cơ quan THADS trong việc xử lý tài sản (tìm kiếm người mua tài sản bán đấu giá, nhận tài sản kê biên để khấu trừ nghĩa vụ thi hành án theo quy định tại Điều 104 Luật THADS trong trường hợp sau 02 lần giảm giá mà không bán được tài sản) nhằm đảm bảo lợi ích Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, giảm thiểu nợ xấu cho Ngân hàng và nâng cao hiệu quả công tác thi hành án dân sự.

#### **IV. Đối với nội dung giải trình của Sở Tài nguyên và Môi trường giải trình về việc thực hiện dự án VLAP**

Dự án Hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống quản lý đất đai Việt Nam (dự án VLAP) thực hiện tại 06 huyện: Tư Nghĩa, Minh Long, Lý Sơn, Nghĩa Hành, Ba Tư và Trà Bồng, thực hiện từ ngày 05/02/2008 đến 30/6/2015; tổng vốn 7,623 triệu USD, tương đương 158.577 triệu đồng; trong đó: Vốn IDA 5,654 triệu USD, tương đương 117.611 triệu VNĐ; vốn đối ứng 1,969 triệu USD, tương đương 40.966 triệu VNĐ.

Dự án được chia thành 3 hợp phần: Hiện đại hóa hệ thống đăng ký đất đai; tăng cường cung cấp dịch vụ đăng ký đất đai; hỗ trợ quản lý dự án và theo dõi đánh giá.

**1. Nguyên nhân khách quan, chủ quan dẫn đến những sai sót trong việc triển khai thực hiện dự án VLAP, ai chịu trách nhiệm chính?**

**1.1. Một số nội dung sai sót trong quá trình đo đạc, cấp GCN theo dự án VLAP**

Trước khi tổ chức thực hiện công tác đo đạc chi tiết từng thửa đất, Ban quản lý dự án tỉnh phối hợp cùng với UBND các huyện tổ chức họp triển khai cấp xã, họp dân để phổ biến quy trình đo đạc bản đồ địa chính, như: Người đang sử dụng đất, người sử dụng đất liền kề, cán bộ dẫn đạc, đơn vị thi công phải thực hiện xác định ranh, mốc giới sử dụng dụng đất tại thực địa. Vấn đề này phần lớn đều được thực hiện đúng quy định, chính xác. Tuy nhiên, thực tế có một số trường hợp còn sai sót, như:

(1) Khi biên tập bản đồ địa chính có một số thửa đất nối nhằm điểm thửa đất dẫn đến sai sót;

(2) Đối với một số địa phương nhất là huyện miền núi, thửa đất ở tiếp giáp với đất đang sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp không xác định rõ ranh giới nên khi đo đạc đã đo bao diện tích dẫn sai sót;

(3) Khi thu thập thông tin kê khai hồ sơ để thực hiện cấp giấy chứng nhận (Chủ sử dụng đất, Chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, Giấy tờ chuyển nhượng, tặng cho, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũ...) không còn phù hợp, do thông tin đã thay đổi, hoặc người kê khai không phải là chủ sử dụng đất, thửa đất đã chuyển nhượng cho nhiều chủ sử dụng... dẫn đến sai sót;

(4) Khi viết GCN có một số trường hợp viết nhầm thông tin tên chủ sử dụng đất, số CMND, năm sinh.

## **1.2. Nguyên nhân và trách nhiệm**

a) Nguyên nhân:

- Nguyên nhân khách quan:

+ Khi tổ chức đo đạc, xác định ranh mốc giới sử dụng đất tại thực địa có một số trường hợp chủ sử dụng đất đi làm ăn xa, không có mặt ở địa phương nên không tham gia trong việc xác định ranh, mốc giới sử dụng đất;

+ Đối với các thửa đất có hình thể phức tạp, có nhiều đỉnh thửa, nhất là ở các huyện miền núi, sau khi đo đạc thực địa đơn vị thi công biên tập bản đồ có nổi nhầm điểm thửa đất;

+ Đối với một số địa phương nhất là huyện miền núi, thửa đất ở tiếp giáp với đất đang sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp không xác định rõ ranh giới nên khi đo đạc đã đo bao diện tích;

+ Dự án VLAP được thực hiện đồng loạt trên toàn địa bàn huyện, công tác kiểm tra giấy chứng nhận và xác nhận vào đơn kê khai đăng ký theo kết quả xét duyệt của hội đồng tư vấn đất đai địa phương thống nhất và theo số liệu diện tích bản đồ đã thẩm định, công tác kiểm tra hồ sơ từ cơ sở đến Văn phòng Đăng ký đất đai trong thời gian ngắn nhưng phải giải quyết với khối lượng lớn, đồng thời phải giải quyết hồ sơ theo cơ chế một cửa của UBND huyện trong khi nguồn nhân lực tại Chi nhánh ít, nên khi cấp giấy chứng nhận có sai sót (nhầm lẫn thông tin về số CMND, tên chủ sử dụng đất trên giấy chứng nhận, hình thể thửa đất do đo bao hoặc đo hợp thửa).

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Năng lực của cán bộ thực hiện công tác này ở một số đơn vị (từ đơn vị thi công, đơn vị giám sát, cán bộ địa chính xã và Chi nhánh văn phòng đăng ký) còn hạn chế;

+ Công tác tuyên truyền, phổ biến đến người dân ở một số địa phương chưa được thường xuyên, do đó một số người dân chưa nắm bắt được tầm quan trọng trong việc đo đạc, cấp mới, cấp đổi lại GCN theo dự án;

b) Về trách nhiệm: Để xảy ra một số sai sót như đã nêu trên trước mắt thuộc về trách nhiệm của các đơn vị thi công, đơn vị giám sát, sau đó là trách nhiệm của Văn phòng Đăng ký đất đai, Chi nhánh các huyện (trước đây là Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất), Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện trong việc thẩm định hồ sơ; ngoài ra còn có trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường mà trực tiếp là Ban quản lý dự án VLAP Quảng Ngãi trong việc tổ chức thẩm định và phê duyệt hồ sơ đo đạc, cấp Giấy chứng nhận.

**2. Những trường hợp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (được cấp bởi dự án VLAP) đã phát hiện có sai sót nhưng đến nay chưa sửa chữa (trên địa bàn mỗi xã). Giải pháp và thời gian hoàn thành việc khắc phục những trường hợp Giấy chứng nhận bị sai sót**

UBND tỉnh đã yêu cầu Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo, hướng dẫn các Phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thành phố, khi trao GCN cho người dân mà phát hiện có trường hợp sai sót thì thực hiện ngay thủ tục đính chính, điều chỉnh hoặc cấp đổi lại GCN cho người dân trong thời gian sớm nhất (không yêu cầu người dân thực hiện theo trình tự của thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa); không có trường hợp phát hiện GCN có sai sót nhưng không chỉnh sửa, đính chính.

Tuy nhiên, theo một số địa phương phản ánh có một số trường hợp đã phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có sai sót nhưng đến nay chưa sửa chữa; việc này, Sở Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thành phố kiểm tra, thực hiện ngay thủ tục đính chính, điều chỉnh hoặc cấp đổi lại GCN cho người dân trong thời gian sớm nhất.

Hiện nay, GCN đã được trao cho người dân, do đó có thể sẽ có những sai sót và chỉ có người dân mới phát hiện (VD: sai tên chủ sử dụng, sai số CMND), nếu người dân chưa phát hiện hoặc phát hiện nhưng chưa có điều kiện, nhu cầu nên chưa phản ánh và yêu cầu đính chính, thì cơ quan nhà nước chưa thống kê được số lượng cụ thể. Tuy nhiên, UBND tỉnh yêu cầu Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện đính chính hoặc cấp đổi lại ngay sau khi phát hiện sai sót.

**3. Đánh giá mức độ hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống đất đai tạo 06 huyện (Tur Nghĩa, Lý Sơn, Minh Long, Nghĩa Hành, Ba Tư, Trà Bồng) và 68 xã, thị trấn thuộc phạm vi triển khai thực hiện dự án VLAP. Đề xuất giải pháp nâng cao mức độ hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống đất đai tại 06 huyện nói riêng và trên địa bàn tỉnh trong thời gian đến**

**3.1. Về đánh giá mức độ hoàn thiện và hiện đại hóa**

a) Đối với Hợp phần 1: Đã thực hiện đầy đủ và đúng mục tiêu dự án là đo đạc, lập bản đồ địa chính cho toàn bộ diện tích tự nhiên (trừ diện tích QH



đất lâm nghiệp) của các xã, thị trấn thuộc dự án; tổng diện tích đo đạc là 49.544 ha, cấp 364.643 GCN.

Hệ thống hồ sơ địa chính được xây dựng hoàn chỉnh ở cả dạng giấy và dạng số theo đúng quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Đối với Hợp phần 2:

- Dự án đã đầu tư trang thiết bị điện tử (máy toàn đạc điện tử, GPS cầm tay, bộ máy tính, modem ADSL, máy in A3) cho Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai 06 huyện; mua sắm trang thiết bị tin học (bộ máy tính, modem ADSL, máy in A3) cho 68 xã, thị trấn thuộc 06 huyện; kết nối đường truyền internet nhằm cung cấp thông tin đất đai cho các đối tượng sử dụng đất truy cập, tra cứu thông tin đất đai thông qua hệ thống mạng kết nối giữa Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai 06 huyện và 68 xã, thị trấn;

- Thông tin tuyên truyền và nâng cao nhận thức cộng đồng: Xây dựng đội ngũ cán bộ nâng cao nhận thức cộng đồng cấp tỉnh, nhóm cộng đồng cấp huyện và tổ chức đào tạo kiến thức chuyên môn và kỹ năng truyền thông, nâng cao nhận thức cộng đồng; huy động sự tham gia của các tổ chức chính trị xã hội tại địa phương hỗ trợ thực hiện các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng.

Qua kết quả thực hiện dự án VLAP trên địa 06 huyện (Tur Nghĩa, Lý Sơn, Minh Long, Nghĩa Hành, Ba Tư, Trà Bồng) và 68 xã, thị trấn thuộc phạm vi triển khai thực hiện dự án VLAP, hệ thống cơ sở dữ liệu địa chính cấp xã, cấp huyện được xây dựng hoàn thiện và được kết nối từ Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh đến Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai các huyện và UBND các xã, thị trấn. Nội dung này đã được thực hiện đầy đủ, đạt yêu cầu sau khi dự án kết thúc. Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn một số hạn chế như: cách sử dụng và bảo quản máy móc thiết bị tại các xã còn sơ sài, một số địa phương sử dụng máy cho nhiều bộ phận của xã..., nên việc duy trì sử dụng thiết bị, công nghệ còn hạn chế nhất định, sử dụng không đúng mục đích. Do đó việc vận hành hệ thống không được thực hiện thường xuyên, thậm chí có một số xã hầu như không sử dụng.

c) Hợp phần 3: Trong suốt quá trình thực hiện dự án đã thường xuyên thực hiện chế độ theo dõi, cập nhật, báo cáo khối lượng đo đạc, cấp giấy chứng nhận hàng tháng, hàng quý và báo cáo AMT đúng mẫu, đúng thời gian quy định.

**3.2. Giải pháp nâng cao mức độ hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống đất đai tại 06 huyện nói riêng và trên địa bàn tỉnh trong thời gian đến**

a) Đối với 06 huyện đã thực hiện dự án VLAP:

- Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo Văn phòng Đăng ký phối hợp với VNPT Quảng Ngãi tổ chức các khóa tập huấn, tiếp tục hướng dẫn cán bộ địa chính của 68 xã, thị trấn và cán bộ của 06 Chi nhánh Văn phòng đăng ký để sử dụng, vận hành thiết bị trong việc cập nhật, khai thác và cung cấp thông tin dữ liệu đất đai.

- Tổ chức rà soát, thống kê, đánh giá lại hiện trạng quản lý, sử dụng thiết bị máy tính, hạ tầng mạng ở các huyện, xã để xây dựng kế hoạch đầu tư, đảm bảo hệ thống được duy trì và vận hành thông suốt.

- Phối hợp với UBND các huyện chỉ đạo Chủ tịch UBND các xã, thị trấn thực hiện thường xuyên, đầy đủ về công tác cập nhật, khai thác và cung cấp thông tin đúng quy định hiện hành.

- Duy trì, bảo dưỡng, vận hành hệ thống đường truyền MEGA WAN, đảm bảo kết nối 3 cấp tỉnh, huyện, xã.

b) Đối với các địa phương còn lại trên địa bàn tỉnh:

Đối với 08 huyện, thành phố còn lại theo Kế hoạch đã được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 11/10/2017, thực hiện đo đạc, lập bản đồ địa chính, chỉnh lý bản đồ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai đến hết năm 2022; rút kinh nghiệm các hạn chế tồn tại, sai sót trong quá trình thực hiện dự án VLAP, Sở Tài nguyên và Môi trường tăng cường công tác kiểm tra, giám sát công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, chỉnh lý bản đồ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, nhằm hạn chế đến mức thấp nhất những sai sót trong quá trình triển khai thực hiện dự án./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Công Thương, Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Thi hành án Dân sự tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- VPUB: PCVP, các phòng Ngc, CBTH;
- Lưu: VT, TH (Ts62).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH



Nguyễn Tăng Bính